

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO HỌC VIÊN Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

ĐẶNG VĂN CÔNG* - LÊ QUANG HÒA**

Ngày nhận bài: 20/10/2017; ngày sửa chữa: 22/10/2017; ngày duyệt đăng: 25/10/2017.

Abstract: Scientific research is a particular activity of students at military schools. It is of great significance in educating students on the method of gaining knowledge, fostering the competence of independent and creative thinking as well as developing the good qualities of the future army officers in military schools. Therefore, in this article, author mentions development of skills of scientific research for learners at military schools to meet requirements of studying in current period.

Keywords: Military schools, scientific research skills, learners.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, hoạt động GD-ĐT, nghiên cứu khoa học (NCKH) ở các nhà trường quân đội ngày càng phát triển, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận học viên không có nhu cầu nghiên cứu nâng cao trình độ; phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng nghiên cứu vào giải quyết vấn đề thực tiễn còn nhiều hạn chế. Vì vậy, dẫn đến tư tưởng tự ti, thiếu tích cực, thiếu chủ động, sáng tạo trong học tập, chưa chú trọng rèn luyện kỹ năng (KN) NCKH. Do đó, chất lượng NCKH còn nhiều bất cập, nhất là việc phát triển KN NCKH cho học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng KN NCKH của học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay. Để khảo sát, điều tra thực trạng KN NCKH của học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay, chúng tôi đã tiến hành làm phiếu hỏi của 240 học viên ở Học viện Chính trị, Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Thông tin vào tháng 6/2017, kết quả thu được như sau:

2.1.1. Thực trạng KN lựa chọn đề tài NCKH của học viên (xem bảng 1):

Bảng 1

| STT | Dấu hiệu | Điểm trung bình (ĐTB) | Thứ bậc |
|-----|--|-----------------------|---------|
| 1 | Biết lựa chọn những đề tài có tính cấp thiết | 2,50 | 2 |
| 2 | Biết lựa chọn những đề tài có ý nghĩa khoa học | 2,42 | 3 |
| 3 | Biết lựa chọn những đề tài có ý nghĩa thực tiễn | 2,52 | 1 |
| 4 | Biết lựa chọn những đề tài phù hợp với năng lực và hứng thú của bản thân | 2,37 | 4 |
| 5 | Biết biểu đạt tên đề tài | 1,58 | 5 |

Kết quả **bảng 1** cho thấy: Với 5 dấu hiệu biểu hiện KN lựa chọn đề tài nghiên cứu của học viên, cao nhất là

dấu hiệu thứ 3, với ĐTB là 2,52. Như vậy, đa số học viên đều biết lựa chọn những đề tài có ý nghĩa thực tiễn.

Tiếp theo là các dấu hiệu: biết lựa chọn những đề tài có tính cấp thiết (ĐTB = 2,50); biết lựa chọn những đề tài có ý nghĩa khoa học (ĐTB = 2,42); biết lựa chọn những đề tài phù hợp với năng lực và hứng thú của bản thân (ĐTB = 2,37). Trong đó, dấu hiệu biết biểu đạt tên đề tài xếp cuối cùng, chỉ đạt 1,58 điểm (mức thấp). Điều này chứng tỏ học viên chưa biết biểu đạt tên đề tài một cách cô đọng, chính xác. Nhiều học viên thường lúng túng khi biểu đạt, biểu đạt dài dòng, thiếu chính xác.

2.1.2. Thực trạng KN xây dựng đề cương nghiên cứu của học viên (xem bảng 2):

Bảng 2

| STT | Dấu hiệu | ĐTB | Thứ bậc |
|-----|--|------|---------|
| 1 | Biết xác định lí do chọn đề tài | 2,40 | 2 |
| 2 | Biết xác định mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu | 2,45 | 1 |
| 3 | Biết xác định đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu | 2,37 | 3 |
| 4 | Biết lựa chọn phương pháp nghiên cứu | 1,67 | 6 |
| 5 | Biết lựa chọn nội dung nghiên cứu | 2,30 | 4 |
| 6 | Biết xây dựng kế hoạch nghiên cứu | 2,27 | 5 |

Kết quả **bảng 2** cho thấy: Với 6 dấu hiệu biểu hiện nhóm KN xây dựng đề cương nghiên cứu của học viên cho thấy, xếp thứ nhất là dấu hiệu biết xác định mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu, dấu hiệu này được nhiều học viên cho là cần thiết (ĐTB = 2,45). Đây cũng là điều dễ lí giải, vì khi thực hiện một đề tài nghiên cứu, học viên cần trả lời được câu hỏi: Thực hiện đề tài nhằm mục tiêu gì, nhiệm vụ nghiên cứu là gì, khi xác định đúng mục đích sẽ định hướng cho học viên trong suốt quá trình nghiên cứu.

Tiếp theo là các dấu hiệu: Biết xác định lí do chọn đề tài (ĐTB = 2,40); biết xác định đối tượng, khách thể

* Học viện Chính trị

** Trường Đại học Thông tin Liên lạc

và phạm vi nghiên cứu (ĐTB = 2,37); biết lựa chọn nội dung nghiên cứu (ĐTB = 2,30); biết xây dựng kế hoạch nghiên cứu (ĐTB = 2,27). Xếp cuối cùng là dấu hiệu biết lựa chọn phương pháp nghiên cứu (ĐTB = 1,67). Điều này chứng tỏ, đa số học viên gặp khó khăn khi lựa chọn phương pháp nghiên cứu một đề tài sao cho phù hợp.

2.1.3. *Thực trạng KN thu thập và xử lý thông tin của học viên (xem bảng 3)*

Bảng 3

| STT | Dấu hiệu | ĐTB | Thứ bậc |
|-----|---|------|---------|
| 1 | Biết tìm kiếm tài liệu từ các nguồn khác | 2,45 | 2 |
| 2 | Biết đọc và lựa chọn tài liệu liên quan đến đề tài | 2,44 | 3 |
| 3 | Biết sắp xếp tài liệu theo những danh mục, ô theo chủ đề | 2,40 | 4 |
| 4 | Biết phân tích và loại bỏ những tài liệu không cần thiết phục vụ cho đề tài | 1,71 | 5 |
| 5 | Biết hệ thống hóa tài liệu, khái quát hóa thành các khái niệm và vấn đề lí luận cơ bản của đề tài | 2,48 | 1 |

Kết quả *bảng 3* cho thấy: Với 5 dấu hiệu biểu hiện nhóm KN thu thập và xử lý thông tin lí luận của học viên, trong đó, cao nhất là dấu hiệu thứ 5, với số ĐTB = 2,48. Điều này chứng tỏ, đa số học viên đã biết hệ thống hóa tài liệu, khái quát hóa thành các khái niệm và vấn đề lí luận cơ bản của đề tài.

Tiếp theo là các dấu hiệu: biết tìm kiếm tài liệu từ các nguồn khác (ĐTB = 2,45); biết đọc và lựa chọn tài liệu liên quan đến đề tài (ĐTB = 2,44); biết sắp xếp tài liệu theo những danh mục, ô theo chủ đề (ĐTB = 2,40). Được đánh giá thấp nhất là dấu hiệu biết phân tích và loại bỏ những tài liệu không cần thiết, phục vụ cho đề tài (ĐTB = 1,71).

2.1.4. *Thực trạng KN viết báo cáo kết quả nghiên cứu của học viên (xem bảng 4):*

Bảng 4

| STT | Dấu hiệu | ĐTB | Thứ bậc |
|-----|---|------|---------|
| 1 | Biết sử dụng ngôn ngữ văn phong khoa học khi viết báo cáo | 2,50 | 1 |
| 2 | Biết trình bày vấn đề lí luận theo các quan điểm khác nhau và theo quan điểm của bản thân | 2,43 | 2 |
| 3 | Biết trình bày kết quả nghiên cứu bằng bảng biểu, sơ đồ, đồ thị | 1,70 | 5 |
| 4 | Biết viết toàn văn báo cáo khoa học | 2,39 | 4 |
| 5 | Biết tóm tắt báo cáo khoa học để trình bày bảo vệ đề tài | 2,42 | 3 |

Kết quả *bảng 4* cho thấy: Với 5 dấu hiệu biểu hiện nhận thức về KN viết báo cáo kết quả nghiên cứu của học viên, đại đa số học viên đều đánh giá cao sự cần

thiết của KN viết báo cáo kết quả nghiên cứu của học viên. Trong đó, cao nhất là dấu hiệu biết sử dụng ngôn ngữ văn phong khoa học khi viết báo cáo (ĐTB = 2,50), học viên đánh giá cao việc sử dụng ngôn ngữ, văn phong khoa học khi viết báo cáo. Đây là dấu hiệu không thể thiếu khi viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

Tiếp theo là các dấu hiệu: biết trình bày vấn đề lí luận theo các quan điểm khác nhau và theo quan điểm của bản thân (ĐTB = 2,43); biết tóm tắt báo cáo khoa học để trình bày bảo vệ đề tài (ĐTB = 2,42); biết viết toàn văn báo cáo khoa học (ĐTB = 2,39). Xếp thấp nhất là dấu hiệu biết trình bày kết quả nghiên cứu bằng bảng biểu, sơ đồ, đồ thị (ĐTB = 1,70). Điều này chứng tỏ học viên chưa coi trọng việc trình bày kết quả nghiên cứu bằng bảng biểu, sơ đồ, đồ thị.

2.2. Đề xuất các biện pháp phát triển KN NCKH cho học viên ở nhà trường quân đội hiện nay

2.2.1. *Giáo dục nâng cao nhận thức, xây dựng động cơ NCKH đúng đắn cho học viên.* Nhận thức giữ vai trò quan trọng trong định hướng và chỉ đạo hoạt động của con người. Nhận thức đúng, là cơ sở để có thái độ, động cơ đúng đắn, xây dựng ý chí, tinh thần trách nhiệm khi thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiệm vụ NCKH. Nếu nhận thức lệch lạc, thiếu khoa học sẽ dẫn tới hành động thiếu khoa học, thụ động và hiệu quả không được như mong muốn, thậm chí thất bại. Để nâng cao nhận thức, xây dựng động cơ NCKH cho học viên, cần thực hiện tốt các yêu cầu sau:

- Giáo dục, nâng cao nhận thức, xây dựng động cơ NCKH đúng đắn sẽ giúp cho học viên có ý thức, trách nhiệm cao, có khả năng huy động những phẩm chất tâm lí, quyết tâm vươn lên trong rèn luyện KN NCKH; là cơ sở để học viên say mê, nhiệt tình, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn để chiếm lĩnh tri thức, phát triển năng lực tư duy và khả năng sáng tạo.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động nghiên cứu thực tiễn cho học viên. Hoạt động thực tiễn là môi trường thuận lợi cho mỗi học viên tự khẳng định bản thân, làm nảy sinh ở họ nhu cầu tích cực, tự giác phấn đấu vươn lên chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện KN NCKH. Càng tham gia nhiều hoạt động thực tiễn, những vấn đề sẽ nảy sinh, thôi thúc họ tích cực nghiên cứu, tìm tòi, khám phá.

- Phát huy tốt dân chủ, tôn trọng ý kiến của học viên về những vấn đề khoa học. Trong hoạt động NCKH, với những học viên năm thứ nhất thường đạt kết quả chưa cao.

2.2.2. *Trang bị cho học viên đầy đủ các kiến thức lí luận, thực tiễn về NCKH theo từng nội dung môn học.* Đây là biện pháp cơ bản trong quá trình rèn luyện KN NCKH cho học viên, đồng thời là cơ sở, tiền đề để thực hiện có hiệu quả các biện pháp khác. Thông qua quá

trình học tập các bộ môn khoa học khác nhau, học viên được trang bị hệ thống kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo tương xứng với môn học. Để thực hiện tốt biện pháp này trong quá trình tổ chức và thực hiện, cần quán triệt các yêu cầu cơ bản sau:

- Trong quá trình trang bị kiến thức lí luận, phương pháp luận NCKH của học viên, cần quán triệt tính thiết thực, vững chắc, phát huy tính sáng tạo của học viên trong học tập, rèn luyện KN NCKH cũng như hệ thống các kiến thức khoa học khác.

- Phát huy tinh thần tự giác, chủ động, sáng tạo của học viên trong học tập, phát huy tính độc lập trong NCKH cho học viên.

- Kết hợp chặt chẽ giữa trang bị kiến thức lí luận, phương pháp luận NCKH, với thực hành nghiên cứu một vấn đề khoa học. Đây là vấn đề quan trọng, khó khăn đang đặt ra khi giảng dạy về phương pháp luận NCKH.

- Trang bị kiến thức lí luận, phương pháp luận NCKH, giáo dục đạo đức khoa học, lòng say mê trong tìm tòi, khám phá cái mới trong NCKH cho học viên.

2.2.3. Đổi mới hình thức NCKH của học viên. KN NCKH của học viên được hình thành, củng cố và phát triển thông qua quá trình học viên tham gia vào các hoạt động NCKH. Đổi mới hình thức NCKH sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho học viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức lí thuyết vào NCKH cụ thể; qua đó, nâng cao trình độ, KN NCKH cho học viên. Để đổi mới hình thức NCKH có hiệu quả, cần tổ chức tốt các hoạt động sau đây:

- Tổ chức seminar, tọa đàm, sinh hoạt khoa học: Thông qua hình thức này, học viên có cơ hội thảo luận, trao đổi với các giảng viên (GV) chuyên ngành để củng cố, mở rộng, đào sâu kiến thức, tích lũy kinh nghiệm nghiên cứu, phát triển khả năng tư duy, sáng tạo trong lựa chọn và vận dụng các KN NCKH vào các tình huống cụ thể.

- Viết chuyên đề, tiểu luận, tham luận, bài báo khoa học: Trong xu hướng đổi mới giáo dục, đào tạo đại học hiện nay, để tăng cường việc tự học, tự nghiên cứu, hình thức viết chuyên đề, tiểu luận đã được đưa vào các chương trình đào tạo.

- Nghiên cứu đề tài khoa học: Đây là bước quan trọng nhằm rèn luyện một cách đồng bộ, có hệ thống các KN NCKH cho học viên đạt kết quả tốt nhất.

- Khóa luận tốt nghiệp: Đối với học viên, đó là sản phẩm NCKH, phản ánh kết quả của hoạt động NCKH, có giá trị khoa học và thực tiễn nhất định.

- Thành lập các câu lạc bộ NCKH, huy động và khuyến khích học viên tham gia. Để huy động sự tham gia và nâng cao chất lượng NCKH của học viên, cần xây dựng câu lạc bộ các nhà khoa học trẻ theo từng chuyên ngành đào tạo, từng khối lớp. Đây là sân chơi trí

tuệ, bổ ích, góp phần rèn luyện và nâng cao KN NCKH cho các học viên.

- Bồi dưỡng phương pháp viết và đăng các bài báo khoa học: Bài báo khoa học là một sản phẩm khoa học, được viết và công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành của trung ương, quân đội hay các tạp chí khác. Nội dung của bài báo khoa học thường chứa đựng những thông tin mới, có giá trị khoa học và thực tiễn; hàm lượng tri thức khoa học có độ sâu, tính khái quát cao.

2.2.4. Bảo đảm điều kiện sư phạm thuận lợi cho học viên NCKH. Điều kiện sư phạm thuận lợi cho học viên NCKH, của nhà trường là điều kiện bảo đảm, động lực thúc đẩy học viên tích cực học tập, rèn luyện, phát triển KN NCKH. Thực hiện biện pháp này, cần tập trung làm tốt những yêu cầu chủ yếu sau:

- Cần tạo được sự thống nhất về nhận thức, đề cao trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng, giúp cho học viên nhận thức đúng đắn về vai trò của việc rèn luyện KN NCKH.

- Đối với cấp ủy Đảng các cấp, nhất là cấp ủy Chi bộ, cần coi hoạt động NCKH, rèn luyện KN NCKH của học viên là một nhiệm vụ trung tâm.

- Tổ chức tốt các hoạt động NCKH là yếu tố cơ bản, tạo điều kiện, môi trường để rèn luyện KN NCKH của học viên. Chú trọng tổ chức các hoạt động NCKH cho học viên như: diễn đàn, thực hành, thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp,...

2.2.5. Phát huy tính tích cực, tự giác của học viên trong rèn luyện KN NCKH. Trong quá trình giáo dục, phát huy tính tích cực, tự giác của học viên có ý nghĩa quyết định trong việc rèn luyện KN NCKH cho các em. Bởi, học viên vừa là đối tượng, vừa là chủ thể của quá trình rèn luyện KN NCKH. Mặt khác, bản chất của hoạt động NCKH mang tính độc lập, sáng tạo cao, là quá trình phát triển tư duy. Do vậy, khi thực hiện biện pháp này, GV cần tập trung thực hiện các yêu cầu chủ yếu sau:

- Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lí, GV các khoa trong quá trình tự rèn luyện KN NCKH của học viên. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lí và GV có ảnh hưởng quan trọng đến tính tích cực, tự giác rèn luyện KN NCKH của học viên.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu của học viên. Đây là bước có ảnh hưởng đến việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên trong quá trình tự học, tự nghiên cứu. Khi thực hiện kế hoạch, học viên cần thường xuyên nêu cao tinh thần tự giác, kiên trì, thực hiện đúng theo kế hoạch đã xác định.

- Có chính sách cụ thể, khuyến khích hoạt động NCKH của học viên. Các điều kiện vật chất, tinh thần

(Xem tiếp trang 93)

kiến nghị cần thiết để thực hiện được các biện pháp mà đề tài đưa ra.

3.4. Cải tiến chương trình học. Chương trình học hiện nay còn nặng về lí thuyết, chưa chú trọng đến thực hành, khối lượng những môn học không liên quan đến chuyên ngành chiếm tỉ lệ khá lớn. Với những kiến thức được cung cấp như vậy, cộng thêm đầu vào của SV không cao sẽ rất khó để cập đến việc NCKH từ đầu khóa.

3.5. Đưa học phần “Phương pháp NCKH” vào giảng dạy ở mọi cấp bậc đào tạo trong nhà trường. Học phần “Phương pháp NCKH” trang bị kiến thức và kĩ năng liên quan đến việc hình thành mục tiêu, kĩ năng học tập và nghiên cứu ở bậc đại học nhằm giúp người học làm quen với các công cụ, kĩ năng nghiên cứu, các giai đoạn từng loại hình nghiên cứu khác nhau để hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu cụ thể.

3.6. Thành lập câu lạc bộ NCKH trong nhà trường. Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ đều đặn, tạo điều kiện giúp đỡ cho các SV tham gia cùng làm đề tài với những người có kinh nghiệm. Thúc đẩy và nâng cao chất lượng công tác NCKH của SV.

Hoạt động NCKH đối với SV Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung là một trong những khâu quan trọng trong quá trình đào tạo bậc đại học. Tuy nhiên, trong thời gian qua số lượng SV tham gia các hoạt động NCKH còn thấp, chất lượng chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu của thực tiễn. Để hoạt động NCKH trong SV đạt được hiệu quả cao đòi hỏi thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ từ giáo dục nhận thức, trang bị phương pháp luận, thành lập câu lạc bộ; trong đó, quan trọng là SV phải thấy được giá trị của hoạt động NCKH mang lại cho mình. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2000). *Quyết định số 08/2000/QĐ-BGDĐT ngày 30/03/2000 ban hành quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng.*
- [2] Vũ Cao Đàm (2007). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.* NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [3] Nguyễn Quang Giao (2008). *Các biện pháp tăng cường quản lí công tác nghiên cứu khoa học nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.* Đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ, mã số B2006-ĐN05-08.
- [4] Nguyễn Thị Huệ - Nguyễn Thị Thu Trang - Nguyễn Thu Trang (2016). *Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung.* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.
- [5] Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung (2015). *Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2015 (tài liệu lưu hành nội bộ).*

- [6] Trần Nguyên Phương Khánh - Nguyễn Phan Thúy Uyên (2012). *Giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.* Tuyển tập báo cáo Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học lần thứ 8, Đại học Đà Nẵng.
- [7] Phạm Viết Vương (1997). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.* NXB Đại học Quốc gia - Sự thật.

Phát triển kĩ năng nghiên cứu...

(Tiếp theo trang 104)

cần được đảm bảo, giúp học viên hình thành động cơ, tích cực, chủ động và sáng tạo trong hoạt động NCKH, không bị phân tán bởi các yếu tố tiêu cực.

3. Kết luận

Phát triển KN NCKH của học viên ở các nhà trường quân đội hiện nay là một yêu cầu khách quan trong quá trình GD-ĐT của nhà trường. Những năm qua, trước những chuyển biến mạnh mẽ của điều kiện KT-XH, sự nghiệp xây dựng quân đội cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư thích đáng của các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, GV, học viên,... trong các nhà trường quân đội, KN NCKH của học viên đã có những bước phát triển mới. Nhiều học viên sau khi tốt nghiệp đã phát huy được khả năng trong NCKH. Tuy nhiên, bên cạnh đó KN NCKH của học viên vẫn còn bộc lộ những thiếu sót, hạn chế như: việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu, xây dựng đề cương còn hạn chế; phân tích, loại bỏ những thông tin không cần thiết, không liên quan đến đề tài chưa tốt. Những hạn chế đó là do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan. Vì vậy, để phát triển KN NCKH của học viên, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp nêu trên. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2011). *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ban hành quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.*
- [2] Vũ Dũng (2000). *Từ điển Tâm lí học.* NXB Khoa học xã hội.
- [3] Vũ Cao Đàm (2002). *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học.* NXB Khoa học kĩ thuật.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.* NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.
- [5] Đảng ủy Quân sự Trung ương (2007). *Nghị quyết số 86/NQ-ĐUQTW về công tác giáo dục - đào tạo trong tình hình mới.*
- [6] Học viện Chính trị (2012). *Bảng tra cứu các hệ số tương quan thường dùng trong nghiên cứu tâm lí học.*
- [7] Trung Nguyên (2005). *Phương pháp luận nghiên cứu.* NXB Lao động - Xã hội.